

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018**BẢNG KẾT QUẢ****Trường: THCS NGUYỄN VĂN TỐ****Loại hình: Chuyên**

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên	UTKK	Tổng điểm thường	Tổng điểm chuyên
1	92491	3	NGUYỄN NGỌC QUỲNH ANH	11/03/2003	Nữ	91	7.25	9	9	4.5	1.5	43	34.25
2	92501	3	PHẠM NGUYỄN HOÀNG ANH	20/11/2003	Nữ	91	7.75	9.5	9.75	6	1.5	46	39
3	92516	4	VÕ NGỌC TRÂM ANH	08/03/2003	Nữ	91	7	7.5	8	2.25	1	38.5	27
4	92709	12	NGUYỄN KHOA HUÂN	01/01/2003	Nam	91	5.75	9.25	7.75	3.75	1.5	37.75	30.25
5	92778	15	VĂN ĐỖ NGỌC KHÁNH	15/04/2003	Nữ	91	7.75	9	7.75	5.25	1.5	41.5	35
6	92782	15	HÀ MINH KHIÊM	17/09/2003	Nam	91	6.75	8.25	7	2.25	1.5	37.25	26.5
7	93079	27	LÊ TRẦN QUỲNH NHƯ	03/08/2003	Nữ	91	6.75	8.5	7.75	2.75	1.5	39	28.5
8	93143	2	LÊ MAI MINH QUÂN	18/06/2003	Nam	91	6.5	9.25	8	3.5	1.5	39.75	30.75
9	93282	8	VĂN GIA THỤY	27/11/2003	Nam	91	6.25	9.5	7.75	6.25	1.5	39	36
10	93297	9	NGUYỄN NHƯ MỸ TIÊN	29/10/2003	Nữ	91	7.75	9.5	9	4.25	1.5	44.5	34.75
11	93455	15	LÂM NGUYỄN HẢI YẾN	16/01/2003	Nữ	91	7	9	7.5	2.5	1.5	39.5	28.5
12	93563	21	NGÔ DUY KHANG	21/10/2003	Nam	91	8	8.5	9.75	4.5	1.5	45.5	35.25
13	93609	23	LÊ PHƯƠNG MINH	27/02/2003	Nữ	91	6.75	8.5	5.75	0	1.5	35	21
14	93707	27	MAI TRÚC THẢO	11/06/2003	Nữ	91	7.25	8.75	7	3	1.5	38.75	29
15	93743	28	HUỲNH NGUYỄN BẢO TRÂN	26/07/2003	Nữ	91	6.75	9.5	9	2.5	1.5	42.5	30.25
16	93781	2	LỮ KIM YẾN	25/06/2003	Nữ	91	8	8.75	8.75	4.25	2.5	44.75	34
17	93890	8	PHAN THANH THẢO NGUYỄN	24/08/2003	Nữ	91	8	9.25	7.5	3.5	1.5	41.75	31.75
18	93895	8	PHAN HỮU NHÂN	13/03/2003	Nam	91	6.25	7.25	8.25	1.75	1	37.25	25.25
19	93935	10	VŨ ĐỨC THỊNH	20/09/2003	Nam	91	6	9	8.25	6.75	1	38.5	36.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN VĂN TỐ

Loại hình: Chuyên

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN VĂN TỐ

Loại hình: Chuyên

20	93943	10	NGUYỄN HOÀNG UYÊN THY	16/06/2003	Nữ	91	8.5	8	8.75	7.5	1.5	44	40.25
21	94108	2	NGUYỄN HOÀNG MINH ANH	17/09/2003	Nữ	91	7.25	9	10	6.5	1.5	45	39.25
22	94153	4	LÊ ĐỨC CƯỜNG	29/04/2003	Nam	91	7.75	9.5	10	5.5	1	46	38.25
23	94262	8	ÂU VĨNH KHANG	19/07/2003	Nam	91	7.5	9.5	10	7	2.5	47	41
24	94425	15	NGUYỄN CAO MINH PHƯƠNG	29/09/2003	Nữ	91	7	8.25	10	8	1.5	43.75	41.25
25	94814	8	TẶNG YÊN MY	31/01/2003	Nữ	91	7	6.75	5	4.5	2	32.75	27.75
26	94889	11	QUÁCH TUỆ NHƯ	13/03/2003	Nữ	91	7.5	7.5	7.75	5	2.5	40.5	32.75
27	94950	14	NGUYỄN NGỌC ĐAN THANH	17/03/2003	Nữ	91	7	8	7	5.5	1	37	33
28	95102	20	NGUYỄN HOÀNG KỲ XUÂN	27/05/2003	Nữ	91	8	6.25	5	5.5	1.5	33.75	30.25
Tổng cộng có tất cả: 28 học sinh.													

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN VĂN TỐ

Loại hình: Chuyên

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN VĂN TỐ

Loại hình: Chuyên

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên	UTKK	Tổng điểm thường	Tổng điểm chuyên
1	9156	24	HOẮC LƯƠNG GIA HÀO	24/09/2003	Nam	92	6.5	8	7	6.75	2.5	37.5	35
2	92477	2	NGUYỄN CHIÊU QUỲNH ANH	24/05/2003	Nữ	92	6.5	7.75	4.75	2	1.5	31.75	23
3	92574	6	PHẠM ĐÌNH CHUÔNG	18/02/2003	Nam	92	6.25	7.75	8.75	2.5	1	38.75	27.75
4	92655	10	LÊ HOÀNG HÂN	08/09/2003	Nữ	92	7	9	6	1.5	1.5	36.5	25
5	92756	14	LÊ VĨNH KHANG	23/03/2003	Nam	92	6.5	9.5	7.25	4	1.5	38.5	31.25
6	92788	15	HÀ QUANG KHOA	09/06/2003	Nam	92	6	8.25	7.25	1.75	1	35.75	25
7	92895	20	TRƯƠNG NGUYỄN THẢO LY	11/06/2003	Nữ	92	7	8	6.75	2.25	1.5	37	26.25
8	92946	22	DIỆP QUỐC HOÀNG NAM	16/02/2003	Nam	92	7	8.75	8.5	3.5	1.5	41.25	31.25
9	93086	28	NGUYỄN THÚY QUỲNH NHƯ	28/05/2003	Nữ	92	6	7.75	6.5	1.75	1.5	34.25	23.75
10	93292	8	BÙI ĐOÀN THỦY TIÊN	31/05/2003	Nữ	92	7.25	9.75	9.5	3.75	1.5	44.75	34
11	93394	13	NGUYỄN THANH UYÊN	29/09/2003	Nữ	92	6.75	8.75	8.25	2.75	1.5	40.25	29.25
12	93492	18	NGUYỄN DUY BẢO	01/06/2003	Nam	92	7	7	8.5	7.5	1.5	39.5	37.5
13	93506	18	NGUYỄN PHẠM ĐÌNH CHUÔNG	07/05/2003	Nam	92	7.75	8.25	8.75	2.5	1.5	42.75	29.75
14	93599	22	NGUYỄN LÊ HOÀNG LONG	01/01/2003	Nam	92	5.75	7.75	8.75	3.25	1.5	38.25	28.75
15	93953	11	NGUYỄN MINH TRÍ	22/04/2003	Nam	92	7.5	9	6.5	1.25	1.5	38.5	25.5
16	94022	14	LÂM MỸ LINH	24/03/2003	Nữ	92	7	8.25	7	4.5	1.5	37.75	31.25
17	94384	13	DƯƠNG ĐÔNG NHI	08/02/2003	Nữ	92	6.25	8	6	0	1.5	34	20.25
18	94431	15	ĐOÀN NGUYỄN MINH QUÂN	20/06/2003	Nam	92	5	7	5	0	1.5	28.5	17

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN VĂN TỐ

Loại hình: Chuyên

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN VĂN TỐ

Loại hình: Chuyên

19	94687	3	ĐINH NHẬT THÁI DƯƠNG	23/10/2003	Nam	92	6	7.5	5.25	4.75	1.5	31.5	28.25
20	95046	18	LÊ HOÀNG KIM TÚ	21/09/2003	Nữ	92	7.25	8.25	8	6	1.5	40.25	35.5
Tổng cộng có tất cả: 20 học sinh.													

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN VĂN TỐ

Loại hình: Chuyên

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018**BẢNG KẾT QUẢ****Trường: THCS NGUYỄN VĂN TỐ****Loại hình: Chuyên**

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên	UTKK	Tổng điểm thường	Tổng điểm chuyên
1	92684	11	TRẦN MINH HIỀN	27/10/2003	Nữ	93	7.25	8.75	9.75	3.75	1.5	44.25	33.25
2	92753	14	BÙI TRÍ KHANG	09/06/2003	Nam	93	8	9	8.75	3.75	1.5	44	33.25
3	92810	16	NGUYỄN TRẦN MINH KHÔI	24/11/2003	Nam	93	7.75	9	8.5	2.5	1.5	43	30.25
4	93115	1	TRẦN TRỌNG PHÚC	16/11/2003	Nam	93	7	9	8	2.5	1.5	40.5	29
5	93141	2	LÊ HOÀNG QUÂN	17/03/2003	Nam	93	7.75	9.25	8	3.5	1.5	42.25	32
6	93146	2	NGUYỄN HUỲNH BẢO QUÂN	15/12/2003	Nam	93	7.25	9.75	9.5	3.25	1.5	44.75	33
7	93163	3	CHU PHÚC THÚY QUỲNH	12/12/2003	Nữ	93	6.75	9.5	6.75	3	1.5	38	29
8	93173	3	NGUYỄN NGỌC DIỄM QUỲNH	08/03/2003	Nữ	93	7.5	8	7.75	1.75	1.5	40	26.75
9	93217	5	PHẠM TUẤN THÀNH	11/01/2003	Nam	93	6.5	8.75	4.5	0	1	31.75	19.75
10	93348	11	LÊ NGUYỄN THANH TRÚC	12/09/2003	Nữ	93	7	8.5	6.75	3.5	1.5	37.5	29.25
11	93406	13	VŨ NGUYỄN THẢO VI	22/12/2003	Nữ	93	7.25	6.75	8	2	1.5	38.75	26
12	93445	15	TRẦN VŨ PHƯƠNG VY	09/04/2003	Nữ	93	7.25	8.5	8.5	2	1.5	41.5	28.25
13	93539	20	ĐẶNG TRƯỞNG GIA HẢO	03/10/2003	Nữ	93	7.75	7.75	8.5	3.75	1.5	41.75	31.5
14	93582	22	HUỲNH TUẤN KIẾT	20/05/2003	Nam	93	6.75	9	9.25	7.25	1.5	42.5	39.5
15	93715	27	NGUYỄN KHƯƠNG THỊNH	28/05/2003	Nam	93	6.75	8.75	8	9.25	1	39.25	42
16	93861	7	TRẦN HỒNG LAM	09/08/2003	Nam	93	6.5	8.25	9	4.75	1.5	40.75	33.25
17	93978	12	TRỊNH MINH THÀNH	19/08/2003	Nam	93	6.5	5.5	7.5	1.5	1.5	35	22.5
18	94051	15	LÝ CHẤN PHONG	17/12/2003	Nam	93	7	7.5	7.5	1.75	2.5	39	25.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN VĂN TỐ

Loại hình: Chuyên

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN VĂN TỐ

Loại hình: Chuyên

19	94079	1	NGUYỄN HOÀNG TRÂM	01/07/2003	Nữ	93	7	8	6.5	0.5	1	36	22.5
20	94090	1	VĂN VŨ PHƯƠNG UYÊN	06/03/2003	Nữ	93	8.25	9	7.25	3	1	41	30.5
21	94267	9	TẠ HOÀNG BẢO KHANG	23/10/2003	Nam	93	7	7.75	8	1	1	38.75	24.75
22	94604	23	TRẦN NGỌC HẢI YẾN	21/01/2003	Nữ	93	7.5	7.25	10	4.75	2.5	44.75	34.25
23	94740	5	VÕ THỊ GIÁNG HƯƠNG	02/08/2003	Nữ	93	6.75	6.5	6.75	4.5	1.5	35	29
24	94864	10	NGUYỄN YẾN NHI	07/11/2003	Nữ	93	7.5	7.5	3.75	3	1.5	31.5	24.75
25	94953	14	HÀ MINH THÀNH	17/07/2003	Nam	93	6.5	6.75	7.5	4.5	1	35.75	29.75
26	94985	15	TRẦN MAI THU	16/07/2003	Nữ	93	8.25	6.75	7.5	5	2.5	40.75	32.5
Tổng cộng có tất cả: 26 học sinh.													

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN VĂN TỐ

Loại hình: Chuyên

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN VĂN TỐ

Loại hình: Chuyên

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên	UTKK	Tổng điểm thường	Tổng điểm chuyên
1	9000	17	DƯƠNG TRẦN BÌNH AN	02/03/2003	Nam	94	7.5	9.25	7.5	10	2.5	41.75	44.25
2	93137	2	ĐỖ TẠ MINH QUÂN	04/03/2003	Nam	94	5	9.25	6.5	4.25	1.5	33.75	29.25
3	93369	12	PHẠM KIM TÚ	10/04/2003	Nữ	94	7.5	8.5	9	3	1.5	43	31
4	93686	26	NGUYỄN NGỌC MINH TÂM	15/06/2003	Nữ	94	6.25	7.75	9.25	2.25	1.5	40.25	27.75
5	93763	1	LƯU TRẦN TUỜNG VÂN	09/09/2003	Nữ	94	7	8	6.75	4	2.5	38	29.75
6	93824	5	LÊ TRẦN MỸ DUYÊN	25/08/2003	Nữ	94	7.25	9	9.5	4.25	1.5	44	34.25
7	94027	14	ĐÀO LÊ MINH	01/06/2003	Nam	94	6.5	7.5	9	2.25	1.5	40	27.5
8	94899	12	PHẠM HỮU PHÚC	17/01/2003	Nam	94	7.5	9	9.75	5	1.5	45	36.25
Tổng cộng có tất cả: 8 học sinh.													

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN VĂN TỐ

Loại hình: Chuyên

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN VĂN TỐ

Loại hình: Chuyên

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên	UTKK	Tổng điểm thường	Tổng điểm chuyên
1	92602	8	TRẦN NGỌC HỒNG DOANH	12/04/2003	Nữ	95	7.5	9	9	2.75	1.5	43.5	31
2	92695	11	PHẠM NGỌC HIẾU	18/02/2003	Nữ	95	7	8.75	8	3	1.5	40.25	29.75
3	92841	18	TRẦN VĨ LẠC	07/09/2003	Nam	95	7.5	8.25	7.5	1.75	2.5	40.75	26.75
4	93398	13	VƯƠNG NGỌC ĐAN UYÊN	01/05/2003	Nữ	95	7	7.25	7.5	2.5	2.5	38.75	26.75
5	93515	19	LƯƠNG TỈNH DOÃN	19/03/2003	Nữ	95	7.5	8	6.75	3.25	2.5	39	28.75
6	93770	1	HÀ KIẾN VINH	12/11/2003	Nam	95	7.5	7	9.5	4.25	2.5	43.5	32.5
7	94054	16	NGUYỄN PHÚC QUÍ QUÂN	16/05/2003	Nam	95	7.5	4.5	7	1.75	1	34.5	22.5
8	94082	1	MÃ THIÊN TRANG	26/04/2003	Nữ	95	6.5	9	9	5	2	42	34.5
9	94224	7	ĐINH CÔNG HUY HOÀNG	01/02/2003	Nam	95	6.75	7.25	9	2.5	1.5	40.25	28
10	94676	2	TRẦN HUỆ DU	30/01/2003	Nữ	95	8.5	5.5	8.5	5	2.5	42	32.5
11	95089	20	NGUYỄN PHƯƠNG HOÀNG VY	16/10/2003	Nữ	95	6.75	8.75	5.25	4	1.5	34.25	28.75
Tổng cộng có tất cả: 11 học sinh.													

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN VĂN TỐ

Loại hình: Chuyên

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2018

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN VĂN TỐ

Loại hình: Chuyên

